TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18 – 7 – 2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thúy Kiều.

2. Bà Trần Thị Mỹ Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Lệ T, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trương Văn T1, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Trần Lệ T trình bày:

Bà Trần Lệ T và ông Trương Văn T1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc nhưng hiện nay thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà Trần Lệ T cho rằng hai người đã hết tình cảm, không thể tiếp tục cuộc sống chung. Trong quá trình chung sống, ông, bà có 03 con chung là Trương Hoàng G, sinh ngày 16-02-1993, Trương Thị Diễm X, sinh ngày 02-11-1996 và Trương Thanh P, sinh ngày 01-01-2000. Hiện các con đều đã thành niên.

Nay bà Trần Lệ T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận bà Trần Lệ T và ông Trương Văn T1 không phải là vợ chồng;

- Về con chung: Đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Bà Trần Lệ T đã được giải thích về việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng. Tuy nhiên, nguyên đơn cương quyết yêu cầu được ly hôn.

Ý kiến của bị đơn ông Trương Văn T1:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, phía bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn trong trường hợp không có đăng ký kết hôn, với bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng sau khi ly hôn thì không có yêu cầu. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "*Ly hôn*" là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn trình bày về quan hệ nam nữ chung sống như vợ chồng xác lập từ năm 1992 mà không đăng ký kết hôn, có 03 con chung là Trương Hoàng G, sinh ngày 16-02-1993, Trương Thị Diễm X, sinh ngày 02-11-1996 và Trương Thanh P, sinh ngày 01-01-2000. Lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân là phù hợp với ngày sinh của người con chung đầu tiên. Mặt khác, từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T1. Ông T1 biết và không có ý kiến phản đối lời trình bày của bà T. Do đó, HĐXX xác định đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn trong trường hợp này là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay bà Trần Lệ T cương quyết yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Trần Lệ T và ông Trương Văn T1 là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Lệ T.

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Lệ T và ông Trương Văn T1.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Trần Lệ T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006579 ngày 16-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- UBND xã Long Bình, thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm